

DEVELOPING A TOOLKIT FOR ASSESSING STUDENTS' SELF-LEARNING COMPETENCE

Dao Viet Hung¹, Nguyen Mau Duc², Le Hoang Minh^{3*}

¹TNU - University Agriculture and Forestry, ²Hanoi University of Education

³CanTho University of Technology

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 05/4/2024	Self-learning competence is the most fundamental capability that educators always focus on and wish to develop in learners. This ability helps students to acquire new knowledge as well as to form and develop many other important skills throughout their learning process. Especially since the outbreak of the COVID-19 pandemic, the process of direct learning in classrooms has faced many difficulties, and at times, even interruptions. Students with good self-learning competences are able to adapt more easily and are less affected compared to others. The objective of this research is to develop a toolkit for assessing the self-learning competences of students at universities and colleges in Vietnam. Through analyzing related research and combining practical experience in teaching, the author has systematized the theoretical basis and proposed a process for developing a toolkit to assess the self-learning competences of students. Concurrently, a toolkit for assessing the self-learning competences of students at universities and colleges in Vietnam has been developed. The framework for self-learning competences and the assessment toolkit provide a scientific basis for instructors to reference and follow in order to develop the self-learning competences of their students, ensuring the training of generations of students with strong self-learning competences, easily adaptable to the rapid development of science and technology, and meeting the demands of the labor marker.
Revised: 26/6/2024	
Published: 26/6/2024	
KEYWORDS	
Toolkit	
Assessment	
Self-learning competence	
Students	
University	

XÂY DỰNG BỘ CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN

Đào Việt Hùng¹, Nguyễn Mậu Đức², Lê Hoàng Minh^{3*}

¹Trường Đại học Nông Lâm - ĐH Thái Nguyên, ²Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

³Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 05/4/2024	Năng lực tự học là năng lực cơ bản nhất mà các nhà giáo dục luôn quan tâm và mong muốn phát triển cho người học. Năng lực tự học giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức mới cũng như hình thành và phát triển nhiều năng lực quan trọng khác trong suốt quá trình học tập. Đặc biệt, từ khi dịch bệnh COVID-19 bùng phát, quá trình học tập trực tiếp tại giảng đường gặp nhiều khó khăn, thậm chí là bị gián đoạn. Sinh viên có năng lực tự học tốt sẽ dễ dàng thích nghi và ít bị ảnh hưởng so với các bạn còn lại. Mục tiêu nghiên cứu này là xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực tự học của sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng tại Việt Nam. Bằng phương pháp phân tích các nghiên cứu liên quan kết hợp với kinh nghiệm thực tế trong quá trình tham gia giảng dạy, tác giả đã hệ thống cơ sở lý luận và đề xuất quy trình xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực tự học của sinh viên. Đồng thời, bộ công cụ đánh giá năng lực tự học của sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng tại Việt Nam đã được xây dựng. Khung năng lực tự học và bộ công cụ đánh giá năng lực tự học của sinh viên góp thêm cơ sở khoa học cho giảng viên tham khảo và theo dõi sự phát triển năng lực tự học của sinh viên mình đang giảng dạy, đảm bảo rằng sẽ đào tạo ra những thế hệ sinh viên có năng lực tự học tốt, dễ dàng thích nghi với sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.
Ngày hoàn thiện: 26/6/2024	
Ngày đăng: 26/6/2024	
TỪ KHÓA	
Bộ công cụ	
Đánh giá	
Năng lực tự học	
Sinh viên	
Đại học	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.10036>

* Corresponding author. Email: lhminh@ctu.edu.vn

1. Mở đầu

Thế giới đang bước vào kỷ nguyên của sự chuyển đổi số (digital transformation), ứng dụng công nghệ số vào mọi mặt đời sống xã hội [1]. Cuộc cách mạng khoa học công nghệ lần thứ tư cũng đang diễn ra, liên tục cho ra nhiều sản phẩm mới, công nghệ mới, thành tựu mới [1], [2]. Bối cảnh này ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động dạy học tại nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Việc giáo dục giúp hình thành và phát triển năng lực cho sinh viên (SV), đặc biệt là năng lực tự học là vô cùng cần thiết giúp SV dễ dàng thích nghi với sự thay đổi nhanh chóng đời sống xã hội [2], [3].

Quá trình học tập tại trường Đại học mang tính nghiên cứu đòi hỏi SV cần có năng lực tự học để tham gia học tập và chiếm lĩnh kiến thức. Vấn đề tự học và các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực tự học được nhiều nhà giáo dục quan tâm nghiên cứu. Trịnh Quốc Lập cho rằng năng lực tự học có thể được phát triển thông qua việc ứng dụng học tập tự điều chỉnh [4]. Đào Thị Hoa và cộng sự cho rằng năng lực tự học của SV phụ thuộc vào năm thành tố: nhận thức, hoạt động học tập, chiến lược học tập, đánh giá, giao tiếp. Để phát triển năng lực tự học cho SV, giảng viên cần tạo cơ hội để SV có nhận thức đầy đủ về năng lực tự học, đồng thời thiết kế và tổ chức các hoạt động học tập phù hợp với SV [5]. Một số kỹ năng cần rèn luyện cho SV để phát triển năng lực tự học như: xác định nhu cầu học tập, đặt ra mục tiêu, lập kế hoạch học tập, lựa chọn nguồn liệu, lựa chọn chiến lược, thực hành, đánh giá và củng cố học tập [2]. Để nâng cao năng lực tự học của SV, cần thực hiện đồng bộ hàng loạt các giải pháp từ phía bản thân SV đến phía giảng viên, Nhà trường, Đoàn thanh niên, Hội SV, gia đình và xã hội, trong đó bản thân SV giữ vai trò quyết định [2]. Một số phương pháp dạy học tích cực đã được áp dụng trong việc hình thành và phát triển năng lực tự học như dạy học dự án [6], dạy học kết hợp trực tuyến và trực tiếp với sự hỗ trợ của mạng xã hội Facebook, hệ thống quản lý lớp học ảo Google Classroom [1], [7]. Ở khía cạnh khác, vấn đề đánh giá năng lực tự học và xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực tự học của SV cũng là vấn đề cấp thiết và có khả năng vận dụng vào thực tiễn hoạt động đào tạo của các trường Đại học. Nguyễn Xuân Trường và cộng sự đã xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực tự học của sinh viên Trường Cao đẳng Y tế trong dạy học dự án thuộc học phần “Hóa học đại cương” gồm 03 năng lực thành tố như sau: xây dựng kế hoạch tự học; thực hiện theo kế hoạch tự học; kiểm tra đánh giá [6]. Nguyễn Hoàng Trang và Bùi Thị Thơm đã sử dụng khung năng lực tự học của học sinh trong mô hình lớp học đảo ngược với 04 năng lực thành phần bao gồm: xác định mục tiêu học tập; lập kế hoạch học tập, thực hiện theo kế hoạch học tập; đánh giá và điều chỉnh việc tự học [8].

Nhìn chung, các nghiên cứu nêu trên tập trung xoay quanh các vấn đề như cơ sở lý luận về việc tự học, các nhân tố ảnh hưởng và giải pháp nâng cao năng lực tự học, đánh giá năng lực tự học và xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực tự học. Công trình nghiên cứu chuyên sâu về việc xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực tự học của SV nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới hiện nay còn khá khiêm tốn. Có thể nói rằng, nghiên cứu xây dựng và bộ tiêu chí đánh giá năng lực tự học của SV nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới hiện nay là một hướng nghiên cứu mới, có giá trị khoa học cao trong việc vận dụng vào các hoạt động đào tạo tại trường Đại học.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết được sử dụng trong việc tham khảo các tài liệu có liên quan đến việc phát triển năng lực tự học, đánh giá năng lực tự học và bộ công cụ đánh giá năng lực tự học của SV. Hệ thống các văn bản, quy định của Đảng, Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với mục tiêu đổi mới giáo dục theo hướng phát triển năng lực cho người học cũng được tác giả tổng hợp, phân tích và tham khảo.

Phương pháp tham khảo ý kiến của chuyên gia cũng được tác giả sử dụng. Ý kiến của các chuyên gia, là các giảng viên đang công tác tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội có nhiều kinh nghiệm trong việc dạy học bậc đại học được tham khảo làm cơ sở cho việc đề xuất khung năng lực tự học và bộ công cụ đánh giá năng lực tự học của SV trong bối cảnh hiện nay.

3. Nội dung

3.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn

3.1.1. Tự học và vai trò của việc tự học của SV

Theo từ điển Cambridge, *tự học* (seft-study) là hoạt động tự nghiên cứu tài liệu học tập và hoàn thành các bài tập mà không có sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Holec lần đầu tiên nêu khái niệm tự học là “khả năng tự chịu trách nhiệm cho việc học của chính bản thân người học” [9]. Tại Việt Nam, Nguyễn Cảnh Toàn cho rằng tự học là sử dụng năng lực trí tuệ (quan sát, so sánh, phân tích...) kết hợp năng lực cơ bắp (khi sử dụng đến công cụ hỗ trợ cho việc tự học) cùng với các phẩm chất của người học (tính trung thực, kiên trì, say mê khoa học...), nhận sinh quan và thể giới quan để chiếm lĩnh một lĩnh vực kiến thức nào đó của nhân loại, biến lĩnh vực đó thành sở hữu của mình [10]. Trong bài viết này, tự học được hiểu là *quá trình người học tự thực hiện các hoạt động học tập* (tự nghiên cứu, tự thể hiện, tự kiểm tra và điều chỉnh) mà không cần đến sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Cũng theo từ điển Cambridge, *năng lực* (*competence*) là khả năng của một người làm tốt một việc nào đó. Theo Nguyễn Cảnh Toàn, *năng lực tự học* là khả năng của người học chủ động thu nhận kiến thức, hình thành kỹ năng, vận dụng các kỹ năng và kiến thức đó để giải quyết một nhiệm vụ học tập cụ thể [10]. Năng lực tự học được hình thành trong quá trình học tập ở nhà trường kết hợp với những trải nghiệm của bản thân trong suốt quá trình học tập và thực tiễn cuộc sống [2], [10].

Từ xưa đến nay, tinh thần hiếu học đã tạo nên bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Vấn đề tự học được nhiều tác giả quan tâm và nghiên cứu. Các anh hùng dân tộc như Nguyễn Trãi, Trần Quốc Tuấn, Hải Thượng Lãn Ông, Chủ tịch Hồ Chí Minh đều đề cao vai trò của việc tự học [4], [11]. Đối với SV đại học, việc hình thành phát triển năng lực tự học, tự làm giàu tri thức và khả năng sáng tạo của người học là vô cùng quan trọng. Ở bậc đại học, giảng viên với vai trò chính là người định hướng việc học của SV, không tham gia thường xuyên trong quá trình học tập của SV. Do đó, việc tự học sẽ giúp SV hình thành tính tự giác, tích cực và tính thích nghi đảm bảo rằng SV có thể thực hiện tốt các công việc được giao. Nhờ năng lực tự học, SV dễ dàng thích ứng với những biến cố trong công việc cũng như trong cuộc sống và không bị lạc hậu trong bối cảnh hiện nay [2].

3.1.2. Các yêu cầu về năng lực tự học của sinh viên đại học

Năng lực tự học không những cần thiết khi SV đang còn học tập tại trường mà còn là một hành trang quan trọng cho SV khi tham gia thị trường lao động. Để hình thành và phát triển năng lực tự học, GV và SV cần chú ý một số nguyên tắc quan trọng sau đây:

Nguyên tắc 1: Xác định mục tiêu rõ ràng

Để đạt được hiệu quả cao trong việc tự học, sinh viên cần phải xác định mục tiêu học tập rõ ràng. Mục tiêu này cần phải cụ thể, đo lường được, khả thi, thực tế và có thời hạn (SMART). Khi đã có mục tiêu rõ ràng, sinh viên sẽ có động lực và định hướng rõ ràng hơn trong quá trình tự học. Điều này giúp họ tập trung vào các nội dung quan trọng, tránh lãng phí thời gian vào những hoạt động không cần thiết. Việc ghi chép và theo dõi tiến độ cũng là một phần quan trọng để đảm bảo rằng mục tiêu học tập được duy trì và hoàn thành đúng hạn.

Nguyên tắc 2: Đảm bảo tính khoa học trong quá trình tự học

Quá trình tự học cần phải được tổ chức một cách khoa học, bao gồm việc lập kế hoạch học tập, sử dụng tài liệu phù hợp, áp dụng phương pháp học hiệu quả và quản lý thời gian hợp lý. Sinh viên nên xác định rõ ràng các tài liệu cần thiết, lập kế hoạch học tập chi tiết với các mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn. Phương pháp học tập cũng cần phải được chọn lựa kỹ lưỡng để phù hợp với nội dung học và phong cách học của từng cá nhân. Quản lý thời gian hiệu quả giúp sinh viên duy trì được sự cân bằng giữa học tập và các hoạt động khác.

Nguyên tắc 3: Đảm bảo môi trường tự học

Môi trường học tập đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả tự học của sinh viên. Một môi trường tự học tốt cần phải có đủ phương tiện học tập như máy tính, sách vở, tài liệu tham khảo và một không gian học tập yên tĩnh, thoải mái. Thời gian dành cho việc tự học cũng cần được bố trí hợp lý, tránh xao lãng bởi các yếu tố bên ngoài. Sinh viên cần tạo cho mình một không gian học tập riêng, có thể tại nhà hoặc tại thư viện, nơi họ có thể tập trung tối đa vào việc học mà không bị phân tâm.

Nguyên tắc 4: Đảm bảo tính tự giác trong quá trình tự học

Tự giác là yếu tố then chốt quyết định sự thành công trong quá trình tự học. Sinh viên cần phải có ý thức tự giác, tự đặt ra cho mình các quy tắc và tuân thủ nghiêm ngặt trong suốt quá trình học tập. Điều này đòi hỏi sinh viên phải có khả năng tự kiểm soát, không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố gây xao nhãng. Họ cần phát triển kỹ năng quản lý bản thân, biết tự đánh giá và điều chỉnh phương pháp học tập khi cần thiết. Tính tự giác không chỉ giúp sinh viên hoàn thành tốt việc học tại trường mà còn là nền tảng quan trọng cho sự phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

Nói cách khác, năng lực tự học không chỉ giúp SV thành công trong môi trường học tập mà còn là chìa khóa để họ có thể thích nghi và phát triển trong sự nghiệp sau này [2], [11].

Trước bối cảnh này, việc xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực tự học của SV là vô cùng cần thiết. Bộ công cụ này góp phần phân trọng cho giảng viên đánh giá năng lực tự học của SV, kịp thời điều chỉnh phương pháp dạy học đảm bảo rằng họ đang đào tạo ra những SV có khả năng đáp ứng yêu cầu của thế giới hiện đại.

3.1.3. Khung năng lực tự học của SV

Theo Nguyễn Xuân Trường, Huỳnh Gia Bảo và Nguyễn Thị Thùy Lan, cấu trúc năng lực tự học của SV trong dạy học dự án là xây dựng kế hoạch tự học, thực hiện kế hoạch, kiểm tra – đánh giá [6]. Theo Nguyễn Trường Sơn và Trịnh Thanh Hải, khung năng lực tự chủ học tập của SV đại học gồm năm yếu tố cơ bản như sau: (1) Tự chủ trong xác định nhu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ học tập dựa trên kiến thức, kỹ năng của bản thân của mỗi học phần, từng giai đoạn (học kỳ) và toàn thể khóa học; (2) Tự chủ trong việc lập kế hoạch học tập cho bản thân để đạt được mục tiêu học tập từng giai đoạn và toàn khóa học; (3) Tự chủ trong quá trình thực hiện kế hoạch học tập và luôn chủ động giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình học tập; (4) Tự mình nhận định, đánh giá và chủ động điều chỉnh mục tiêu, kế hoạch cũng như việc thực hiện kế hoạch học tập của bản thân; (5) Tự chịu trách nhiệm về quá trình, kết quả học tập (trước bản thân, gia đình và xã hội) [12]. Còn theo Nguyễn Văn Kiệt, Nguyễn Mậu Đức và Phạm Thị Thùy Linh, khung năng lực tự học của SV trong mô hình học tập kết hợp bao gồm tám tiêu chí, cụ thể là: Xác định mục tiêu và nội dung cần tự học; xác định phương pháp và phương tiện tự học; xác định thời gian tự học và dự kiến kết quả; thu thập, tìm kiếm nguồn thông tin tự học; phân tích và xử lý thông tin đã tìm kiếm; vận dụng kiến thức, kỹ năng để giải quyết tình huống/ nhiệm vụ học tập; đánh giá kết quả tự học theo thang đánh giá nhiệm vụ; khắc phục sai sót, hạn chế và tự điều chỉnh cách học của bản thân [1].

Qua việc nghiên cứu khung năng lực tự học của SV trong các tác giả [1], [2], [5], [10], [12], nhóm tác giả đề xuất khung năng lực tự học của SV Việt Nam hiện nay bao gồm 07 năng lực thành phần như sau: 1) Xác định nhu cầu tự học; 2) Xác định mục tiêu và nhiệm vụ học tập; 3) Lập kế hoạch học tập; 4) Lựa chọn nguồn tài liệu; 5) Lựa chọn chiến lược; 6) Thực hiện kế hoạch học tập; 7) Tự đánh giá và hiệu chỉnh (Bảng 1).

Bảng 1. Khung năng lực tự học của SV hiện nay (Tự chủ học tập)

TT	Năng lực thành phần	Mức 1 (1 điểm)	Mức 2 (2 điểm)	Mức 3 (3 điểm)
1	Xác định nhu cầu tự học	Xác định được nhu cầu tự học của bản thân một cách thụ động.	Chủ động xác định được nhu cầu tự học của bản thân.	Chủ động xác định đúng nhu cầu tự học của bản thân.
2	Xác định mục tiêu và nhiệm vụ học tập.	Xác định được mục tiêu học tập một cách thụ động và chưa xác định đầy đủ các nhiệm vụ tự học.	Chủ động xác định được mục tiêu tự học nhưng chưa xác định đầy đủ các nhiệm vụ tự học.	Chủ động xác định được mục tiêu tự học nhưng xác định đầy đủ các nhiệm vụ tự học.

TT	Năng lực thành phần	Mức 1 (1 điểm)	Mức 2 (2 điểm)	Mức 3 (3 điểm)
3	Lập kế hoạch học tập.	Lập được kế hoạch tự học với sự hướng dẫn của Chủ động lập kế hoạch tự giảng viên nhưng kế hoạch học nhưng chưa cụ thể, chưa phù hợp với điều kiện tính khả thi không cao. của bản thân.		Chủ động và tự xây dựng kế hoạch tự học phù hợp với điều kiện bản thân.
4	Lựa chọn nguồn tài liệu.	Không tự tổng hợp được các tài liệu phục vụ việc tự học mà chỉ sử dụng tài liệu do GV cung cấp.	Có khả năng tổng hợp thêm một số tài liệu phục vụ việc tự học nhưng chưa đầy đủ	Có khả năng tổng hợp đầy đủ tài liệu phục vụ việc tự học.
5	Lựa chọn chiến lược	Chưa chủ động và chưa linh hoạt trong việc thực hiện kế hoạch tự học.	Chủ động thực hiện việc tự học nhưng chưa linh hoạt vận dụng nhiều kỹ thuật và phương pháp tiếp cận khác nhau để giải quyết vấn đề trong quá trình tự học.	Chủ động, linh hoạt vận dụng các kỹ thuật cụ thể, phương pháp tiếp cận khác nhau ở từng giai đoạn để hoàn thành mục tiêu tự học, từ đó hình thành chiến lược tự học cho riêng bản thân.
6	Thực hiện kế hoạch học tập.	Thực hiện việc tự học không thường xuyên, đồng thời chưa quản lý tốt thời gian tự học, dẫn đến không hoàn thành hoàn thành mục tiêu đề ra.	Chủ động thực hiện việc tự học nhưng chưa quản lý tốt thời gian thực hiện việc tự học, dẫn đến hoàn thành mục tiêu đề ra không đúng như kế hoạch tự học ban đầu.	Chủ động sắp xếp và quản lý thời gian, công việc để thực hiện việc tự học theo đúng kế hoạch và hoàn thành mục tiêu đề ra.
7	Tự đánh giá và hiệu chỉnh	Chưa có khả năng tự đánh giá hiệu quả và tự điều chỉnh phương pháp tự học đã áp dụng và điều chỉnh	Có khả năng tự đánh giá hiệu quả của những phương pháp tự học đã áp dụng nhưng chưa tự điều chỉnh việc tự học sao cho hiệu quả hơn.	Có khả năng tự đánh giá hiệu quả của những phương pháp tự học đã áp dụng nhưng có khả năng tự điều chỉnh việc tự học sao cho hiệu quả hơn.

3.2. Cấu trúc khung và bộ công cụ đánh giá năng lực tự học

3.2.1. Quy trình xây dựng

Bộ công cụ đánh giá năng lực tự học của SV được xây dựng theo quy trình sau:

Bước 1. Xác định đối tượng, mục tiêu và nội dung đánh giá.

Đầu tiên, các tài liệu liên quan về chủ đề tự học được nghiên cứu. Đồng thời, ý kiến của chuyên gia cũng như ý kiến của SV cũng được thu thập và phân tích thông qua việc phỏng vấn, khảo sát hay thảo luận. Trên cơ sở đó, chúng tôi xác định đối tượng, mục tiêu và nội dung đánh giá.

Bước 2. Xây dựng cấu trúc khung năng lực tự học của SV

Dựa vào những biểu hiện trong trình tự học của đa số SV, cấu trúc khung năng lực tự học của SV được đề xuất. Năng lực tự học của SV bao gồm nhiều năng lực thành phần. Mỗi năng lực thành phần được thể hiện qua một hay nhiều tiêu chí đánh giá.

Bước 3. Xác định mức độ của mỗi tiêu chí đánh giá

Sau khi xây dựng cấu trúc khung năng lực tự học của SV, chúng tôi tiến hành xác định mức độ biểu hiện của mỗi tiêu chí. Trong nghiên cứu này, mỗi tiêu chí có ba mức độ đánh giá (mức độ 1, mức độ 2, mức độ 3) tương ứng với điểm số là 1 điểm, 2 điểm và 3 điểm. Điểm đánh giá càng cao thì tiêu chí đó SV càng thể hiện tốt.

Bước 4. Thiết kế bộ công cụ đánh giá

Các phiếu đánh giá, bài tập kiểm tra, dự án học tập,... được thiết kế nhằm đánh giá năng lực tự học của SV theo các tiêu chí của khung năng lực tự học. Đồng thời, phương pháp đánh giá cũng ảnh hưởng nhiều đến việc lựa chọn bộ công cụ đánh giá.

Bước 5. Kiểm tra, điều chỉnh và hoàn thiện

Kiểm tra hiệu quả của bộ công cụ đánh giá cũng như tính hợp lý của khung năng lực tự học là vô cùng quan trọng. Việc lắng nghe phản hồi từ SV và các giảng viên tham gia quá trình thực nghiệm góp phần quan trọng trong việc điều chỉnh và hoàn thiện hơn bộ công cụ đánh giá.

3.2.2. Xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực tự học của SV

Một số phương pháp và công cụ được dùng để đánh giá năng lực tự học của SV bao gồm: phương pháp sử dụng thang đánh giá năng lực (công cụ đánh giá là bảng kiểm quan sát), phương pháp đánh giá đồng đẳng và tự đánh giá (công cụ đánh giá là phiếu tự đánh giá, phương pháp đánh giá qua bài kiểm tra năng lực (công cụ đánh giá là bài kiểm tra được thiết kế đặc biệt) [1], [6].

Trong bài viết này, năng lực tự học của SV được đánh giá thông qua các công cụ đánh giá là bảng kiểm quan sát và phiếu tự đánh giá.

Bảng 2 trình bày các tiêu chí đánh giá năng lực tự học của sinh viên thông qua các tiêu chí cụ thể như xác định nhu cầu tự học, lập kế hoạch học tập, lựa chọn nguồn tài liệu và thực hiện kế hoạch học tập. Mỗi tiêu chí được đánh giá dựa trên mức độ thể hiện từ 1 đến 3. Bảng này được sử dụng bởi giảng viên để đánh giá sự phát triển năng lực tự học của sinh viên.

Bảng 2. Bảng đánh giá năng lực tự học của SV dành cho giảng viên đánh giá

TT	Năng lực thành phần	Mức độ		
		Mức 1 (1 điểm)	Mức 2 (2 điểm)	Mức 3 (3 điểm)
1	Xác định nhu cầu tự học			
2	Xác định mục tiêu và nhiệm vụ học tập.			
3	Lập kế hoạch học tập.			
4	Lựa chọn nguồn tài liệu.			
5	Lựa chọn chiến lược			
6	Thực hiện kế hoạch học tập.			
7	Tự đánh giá và hiệu chỉnh			

Dựa trên Bảng 2, giảng viên cho điểm đánh giá năng lực tự học của từng SV (nhóm SV). Bảng kiểm quan sát này có thể sử dụng thường xuyên trong việc định kỳ đánh giá SV. Việc so sánh kết quả từ bảng kiểm quan sát qua từng giai đoạn (Bảng 3) giúp giảng viên đánh giá được sự phát triển năng lực tự học của SV.

Bảng 3. Phiếu tổng hợp kết quả đánh giá năng lực tự học của SV trong một lớp

TT	Họ và tên	Tiêu chí							Điểm
		1	2	3	4	5	6	7	
1	SV 1								
2	SV 2								
...	...								

Bảng 3 là phiếu tổng hợp kết quả đánh giá năng lực tự học của sinh viên trong một lớp học, với từng tiêu chí được đánh giá cho từng sinh viên. Công cụ này giúp giảng viên nắm bắt được toàn cảnh về mức độ phát triển năng lực tự học của lớp, so sánh giữa các sinh viên và nhận diện những điểm mạnh, điểm yếu cụ thể. Qua việc theo dõi định kỳ, giảng viên có thể đưa ra các biện pháp hỗ trợ phù hợp, giúp sinh viên cải thiện kỹ năng tự học một cách hiệu quả. Bảng này cũng tạo điều kiện cho việc đánh giá liên tục và cải thiện phương pháp giảng dạy.

Bảng 4 là công cụ giúp sinh viên tự đánh giá năng lực tự học của chính mình, dựa trên các tiêu chí như xác định nhu cầu tự học, lập kế hoạch học tập, và lựa chọn nguồn tài liệu. Mỗi tiêu chí được đánh giá theo ba mức độ, từ cơ bản đến nâng cao. Qua việc tự đánh giá, sinh viên có thể nhận diện được điểm mạnh và điểm yếu của mình, từ đó đưa ra các biện pháp cải thiện. Công cụ này không chỉ khuyến khích sinh viên tự chủ động trong học tập mà còn giúp họ phát triển kỹ năng tự phản ánh và điều chỉnh phương pháp học tập một cách hiệu quả. Bảng tự đánh giá này cũng có thể được sử dụng để đối chiếu với đánh giá của giảng viên, từ đó có cái nhìn toàn diện về năng lực tự học của sinh viên.

Bảng 4. Bảng tự đánh giá năng lực tự học dành cho sinh viên

TT	Năng lực thành phần	Mức độ		
		Mức 1 (1 điểm)	Mức 1 (1 điểm)	Mức 1 (1 điểm)
1	Xác định nhu cầu tự học			
2	Xác định mục tiêu và nhiệm vụ học tập.			
3	Lập kế hoạch học tập.			
4	Lựa chọn nguồn tài liệu.			
5	Lựa chọn chiến lược			
6	Thực hiện kế hoạch học tập.			
7	Tự đánh giá và hiệu chỉnh			

4. Kết luận

Khung năng lực tự học và bộ công cụ đánh giá năng lực tự học của SV ở các trường đại học đã được xây dựng. Năng lực tự học của SV bao gồm bảy tiêu chí: Xác định nhu cầu tự học; Xác định mục tiêu và nhiệm vụ học tập; Lập kế hoạch học tập; Lựa chọn nguồn tài liệu; Lựa chọn chiến lược; Thực hiện kế hoạch học tập; Tự đánh giá và hiệu chỉnh. Mỗi tiêu chí có ba mức độ biểu hiện khác nhau. Bộ công cụ đánh giá năng lực tự học của SV gồm bảng kiểm quan sát và phiếu tự đánh giá. Khung năng lực tự học và bộ công cụ đánh giá năng lực tự học của SV góp thêm cơ sở khoa học cho giảng viên tham khảo và theo dõi sự phát triển năng lực tự học của sinh viên đang giảng dạy, đảm bảo rằng sẽ đào tạo ra những thế hệ SV có năng lực tự học tốt, dễ dàng thích nghi với sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

Lời cảm ơn

Bài báo được thực hiện là một phần nghiên cứu của đề tài cấp Bộ mã số: B2022-TNA -35 do TS. Đào Việt Hùng làm chủ nhiệm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] M. D. Nguyen, V. K. Nguyen, and T. T. L. Pham, "Applying the "Flipped Classroom" model in teaching the chapter Alkali Metals, Alkaline Earth Metals, and Aluminum (Chemistry Grade 12) to develop students' self-study ability," *Vietnam Journal of Education*, vol. 23, pp. 94-99, July 2023.
- [2] T. V. Mai and T. T. H. Phan, "Develop self-study capacity for students to meet the requirements of educational innovation," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 228, no. 12, pp. 166-173, 2023.
- [3] T. N. T. Phan, N. T. Nguyen, and T. P. T. Nguyen, "Full-time students' feelings when experiencing completely online learning during the Covid-19 epidemic prevention period," *Ho Chi Minh City Open University Journal of Science*, vol. 15, no. 4, pp. 18-28, 2020.
- [4] Q. L. Trinh, "Developing self-study capacity in the Vietnamese context," *Cantho Journal of Science and Technology*, vol. 10, pp. 169-175, 2008.
- [5] T. H. Dao, N. T. Nguyen, T. Q. Pham, T. H. Duong, and T. D. Be, "Self-study competence and some related factors: Case study of students at Hanoi University of Education 2," *Vietnam Journal of Educational*, vol. 19, no. 10, pp. 51-56, 2023.
- [6] G. B. Hoang, T. K. L. Ngo, and T. T. L. Nguyen, "Designing self-study activities based on project teaching in teaching General Chemistry to develop self-study capacity for students at medical colleges," *Vietnam Journal of Educational Sciences*, vol. 19, pp. 19-23, July 2019.
- [7] T. L. N. Nguyen and V. K. Nguyen, "Organizing teaching with the support of social networks to develop students' self-study competence: case of teaching the lesson "Mechanical energy" (Physics 10)," *Vietnam Journal of Education*, vol. 22, no. 2, pp. 34-39, 2022.
- [8] T. T. V. Nguyen, "Digital transformation in higher education institutions," *State Management Journal*, vol. 309, pp. 8-13, October 2021.
- [9] H. Holec, *Autonomy in Foreign Language Learning*. Oxford: Pergamon, 1981.
- [10] T. K. T. Nguyen, "Developing self-study capacity for students of Vietnam Buddhist Academy in Ho Chi Minh City," *Vietnam Journal of Education*, vol. 485, no. 1, pp. 39-43, 2020.
- [11] B. N. Phan, "Well organize self-study for students to improve the training quality of universities according to the current credit format," *VNU Journal of Science*, vol. 25(2009), pp. 160-164, 2009.
- [12] T. S. Nguyen and T. H. Trinh, "Proposing a framework for autonomous learning capacity of university students," *Vietnam Journal of Education*, vol. 22, no. 9, pp. 1-8, 2022.